

Bản án số: 53/2024/DS-ST

Ngày: 26-3-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X- THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Thanh Hiền.

2/ Bà Lê Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2023/TLST – DS ngày 05/10/2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

HKTT: Số 12/1 đường Đ, Phường 9, Quận BN, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn M, sinh năm 1982.

(Giấy ủy quyền ngày 26 tháng 6 năm 2023).

Bà Nguyễn M có “Đơn xin xét xử vắng mặt” đề ngày 22 tháng 3 năm 2024.

- *Bị đơn:* Bà Lê N, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 11/8 đường Q, phường PT, Quận X, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn T-nguyên đơn biết bị đơn-bà Lê N qua người cô của bà Nguyễn T giới thiệu. Theo đó, cô của bà Nguyễn T có nói là bà Lê N là người uy tín, bà Lê N muốn vay tiền để cho con trai làm ăn. Vì vậy, bà Nguyễn T đã cho bà Lê N vay số tiền 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng) qua các lần vay tiền như sau:

- Lần 1: số tiền vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022 thì thời hạn vay đến ngày 30 tháng 5 năm 2023 và không thỏa thuận lãi suất;

- Lần 2: số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 thì thời hạn vay 03 (ba) tháng và không thỏa thuận lãi suất;

- Lần 3: số tiền vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) theo “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 thì thời hạn vay 02 (hai) tháng và không thỏa thuận lãi suất.

Kể từ thời điểm đến hạn trả nợ vay cho đến nay, bà Lê N không trả được cho bà Nguyễn T bất kỳ khoản tiền gốc nào. Mặc dù bà Nguyễn T nhiều lần yêu cầu bà Lê N trả nợ nhưng bà Lê N không thực hiện và cố tình lẩn tránh bà Nguyễn T. Do đó, bà Nguyễn T khởi kiện bà Lê N.

* *Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” đề ngày 22 tháng 3 năm 2024, bà Nguyễn Thị Xuân Mai-đại diện ủy quyền của bà Nguyễn T xác định yêu cầu khởi kiện như sau:*

Yêu cầu bà Lê N phải trả cho bà Nguyễn T số tiền nợ vay là 508.644.000đ (Năm trăm linh tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), bao gồm các khoản như sau:

1/ Đối với số nợ vay của “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

- Nợ gốc: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng);
- Nợ lãi: 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 31 tháng 5 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024.

2/ Đối với số nợ vay của “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 như sau:

- Nợ gốc: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);
- Nợ lãi: 16.111.000đ (Mười sáu triệu một trăm mười một nghìn đồng), lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024.

3/ Đối với số nợ vay của “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 như sau:

- Nợ gốc: 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng);

- Nợ lãi: 10.033.000đ (Mười triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng), lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 30 tháng 5 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Bị đơn-bà Lê N: vắng mặt không lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận X, Thành phố H:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê N đã vi phạm thời hạn thanh toán. Do đó, căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn-bà Lê N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho bà Nguyễn T, cụ thể:

+ Nợ gốc là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng);

+ Nợ lãi được tính như sau:

- Đối với số nợ vay của “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) x (thời điểm từ ngày 31/5/2023 đến ngày xét xử) x 10%/năm;
- Đối với số nợ vay của “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) x (thời điểm từ ngày 10/6/2023 đến ngày xét xử) x 10%/năm;
- Đối với số nợ vay của “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 như sau: Nợ gốc: 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) x (thời điểm từ ngày 30/5/2023 đến ngày xét xử) x 10%/năm.

- Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn- bà Nguyễn T- có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn-bà Lê N phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi của “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022, “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 và “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn-bà Lê N có địa chỉ tại Quận X, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn-bà Lê N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn-bà Lê N đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn-bà Lê N không có mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thì bị đơn-bà Lê N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của nguyên đơn-bà Nguyễn T làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn-bà Nguyễn T về việc yêu cầu bị đơn-bà Lê N phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng):

[2.2.1] Xét “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022 thể hiện: nguyên đơn-bà Nguyễn T có cho bị đơn-bà Lê N vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 30 tháng 5 năm 2023 nhưng đến nay bị đơn-bà Lê N vẫn không hoàn trả nợ cho nguyên đơn.

[2.2.2] Xét “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 thể hiện: nguyên đơn-bà Nguyễn T có cho bị đơn-bà Lê N vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 (ba) tháng nhưng đến nay bị đơn-bà Lê N vẫn không hoàn trả nợ cho nguyên đơn.

[2.2.3] Xét “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 thể hiện: nguyên đơn-bà Nguyễn T có cho bị đơn-bà Lê N vay số tiền là 120.000.000đ

(Một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 (hai) tháng nhưng đến nay bị đơn-bà Lê N vẫn không hoàn trả nợ cho nguyên đơn.

Do đó, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn-bà Nguyễn T về việc yêu cầu bị đơn-bà Lê N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn-bà Nguyễn T về việc yêu cầu bị đơn-bà Lê N phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi là 38.644.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng):

Xét “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022, “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 và “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 đều thể hiện giữa các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ nhưng không thỏa thuận về lãi suất, trong toàn bộ hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu và chứng cứ nào thể hiện các bên có thỏa thuận với nhau về lãi suất.

Do đó, căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn-bà Nguyễn T về việc tính mức lãi suất 10% trên số nợ gốc, thời hạn tính bắt đầu từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày Tòa án xét xử, cụ thể:

Số tiền chịu lãi	Thời gian chịu lãi			Số tiền lãi phải chịu = (1) x (2) x [10/360/100]
	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày (2)	
“Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022: 150.000.000 đồng.	31/5/2023	26/3/2024	300	12.500.000 đồng
“Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023: 200.000.000 đồng.	10/6/2023	26/3/2024	290	16.111.000 đồng
“Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023: 120.000.000 đồng.	30/5/2023	26/3/2024	301	10.033.000 đồng
Tổng cộng				38.644.000 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn-bà Lê N phải chịu án phí dân sự là 24.345.760đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng);
- Nguyên đơn-bà Nguyễn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn-bà Nguyễn T và bị đơn-bà Lê N.

2. Về nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn- bà Nguyễn T:

2.1. Buộc bà Lê N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn T toàn bộ số nợ gốc và lãi của của “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022, “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 và “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 là 508.644.000đ (Năm trăm linh tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), cụ thể:

2.1.1/ Đối với số nợ vay của “Giấy mượn tiền” ký ngày 20 tháng 12 năm 2022 như sau:

- Nợ gốc: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng);
- Nợ lãi: 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 31 tháng 5 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024.

2.1.2/ Đối với số nợ vay của “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 09 tháng 3 năm 2023 như sau:

- Nợ gốc: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);
- Nợ lãi: 16.111.000đ (Mười sáu triệu một trăm mười một nghìn đồng), lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024.

2.1.3/ Đối với số nợ vay của “Hợp đồng vay tiền” ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 như sau:

- Nợ gốc: 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng);
- Nợ lãi: 10.033.000đ (Mười triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng), lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 30 tháng 5 năm 2023 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024.

2.2. Trong trường hợp bà Lê N chậm thi hành trả tiền thì bà Lê N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian trả. Lãi suất phát sinh do

chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê N phải chịu án phí dân sự là 24.345.760đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng), thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Bà Nguyễn T không phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.206.480đ (*Mười hai triệu hai trăm linh sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000000698200 ngày 05 tháng 10 năm 2023, với mã thông báo nộp tiền MH6OM9VXU6 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0037421 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X-Thành phố H.

4. Bà Nguyễn T, bà Lê N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Quận X;
- C.C THADS Quận X,
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk.Đức).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Loan

